

TỔNG QUAN

Chính phủ nhận định, năm 2024 là năm bứt phá, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện Kế hoạch 5 năm 2021-2025.

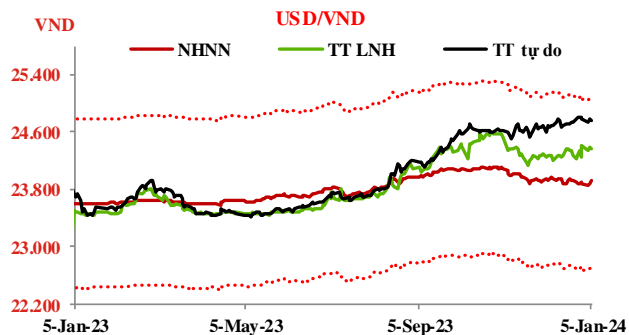
Tại Hội nghị tổng kết công tác năm 2023, triển khai công tác năm 2024 của Chính phủ và chính quyền địa phương ngày 05/01/2024, Chính phủ nhận định, nhìn chung, tình hình KTXH năm 2023 tại Việt Nam tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực, nền kinh tế cơ bản đạt được mục tiêu tổng quát đề ra là kiên trì ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế.

Tại Hội nghị, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã nêu lên các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong năm 2024:

- (i) Ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; tiếp tục điều hành CSTT chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả; phối hợp đồng bộ, hài hòa, chặt chẽ với CSTK mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm và các chính sách khác; đẩy mạnh các động lực tăng trưởng truyền thống như: đầu tư, xuất khẩu, tiêu dùng, đồng thời thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới nổi như: liên kết vùng, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh...; củng cố các thị trường truyền thống đi đôi với mở rộng các thị trường mới; đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, các Chương trình MTQG; tăng thu, tiết kiệm chi NSNN; kiểm soát chặt chẽ bội chi, nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài quốc gia; quyết tâm tiết kiệm chi 5% và thu NSNN 2024 tăng ít nhất 5%.
- (ii) Đẩy mạnh thực hiện quyết liệt, đồng bộ, thực chất, hiệu quả các đột phá chiến lược; tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, phấn đấu năm 2024 cắt giảm ít nhất 10% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính; đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình giao thông trọng điểm, nhất là cảng hàng không quốc tế Long Thành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đường sắt tốc độ cao Bắc – Nam; triển khai hiệu quả Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII; đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với KHCCN, thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao cho những ngành, lĩnh vực mới nổi.
- (iii) Tập trung thực hiện hiệu quả, thực chất cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, các ngành, lĩnh vực mới nổi; tập trung phục hồi, phát triển mạnh các ngành công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, chế tạo, sản xuất chip bán dẫn; đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; thực hiện Chương trình 1 triệu ha đất trồng lúa sạch, ít phát thải cac-bon; phấn đấu đến hết năm 2024 có 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.
- (iv) Rà soát, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, tổ chức liên kết vùng và thúc đẩy phát triển kinh tế vùng; phát huy vai trò của các Hội đồng điều phối vùng; thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của Bộ Chính trị về 6 vùng KTXH.
- (v) Triển khai quyết liệt, hiệu quả Đề án Đầu tư xây dựng ít nhất 1.000.000 căn hộ nhà ở xã hội; phấn đấu năm 2024 hoàn thành ít nhất 130.000 căn...

Thủ tướng nhấn mạnh nhiệm vụ đặt ra cho năm 2024 là rất nặng nề, vì vậy, yêu cầu các bộ, ngành, các địa phương, ngay từ đầu năm, tập trung đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, 3 CTMTQG; quyết liệt tháo gỡ khó khăn cho SXKD...

Thị trường ngoại tệ



Trong tuần từ 02/01 - 05/01, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh giảm mạnh 2 phiên đầu tuần rồi tăng mạnh 3 phiên cuối. Chốt ngày 05/01, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 23.932 VND/USD, tăng mạnh trở lại 66 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. NHNN tiếp tục niêm yết tỷ giá mua giao ngay ở mức 23.400 VND/USD. Tỷ giá bán giao ngay cuối tuần được niêm yết ở mức 25.078 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá.

Tỷ giá LNH biến động theo xu hướng tăng trong tuần qua. Kết thúc phiên 05/01, tỷ giá LNH đóng cửa tại 25.370 VND/USD, tăng mạnh 120 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

Tỷ giá trên thị trường tự do chỉ tăng – giảm nhẹ trong tuần qua. Chốt phiên 05/01, tỷ giá tự do giảm 20 đồng ở chiều mua vào trong khi tăng 30 đồng ở chiều bán ra so với phiên cuối tuần trước đó, giao dịch tại 24.700 VND/USD và 24.800 VND/USD.

Thị trường tiền tệ liên ngân hàng

Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	W/W	USD	W/W	Kỳ hạn	Lợi suất	W/W
ON	0.20	-3.40	5.08	0.00	3Y	1.55	-0.016
1W	0.40	-2.88	5.21	0.04	5Y	1.55	0.018
2W	0.70	-2.24	5.30	0.03	7Y	1.87	-0.076
1M	1.75	-0.81	5.39	0.02	10Y	2.25	0.009
2M	2.92	-0.02	5.49	0.02	15Y	2.44	0.003
3M	3.20	0.00	5.56	0.01			
6M	4.63	0.03	5.64	0.03			
9M	5.20	-0.03	5.72	0.02			
1Y	5.56	-0.29	5.76	-0.03			

Tuần từ 02/01 - 05/01, lãi suất VND LNH tăng mạnh phiên đầu tuần rồi giảm mạnh trở lại ở các phiên sau đó. Chốt ngày 05/01, lãi suất VND LNH giao dịch quanh mức: ON 0,20% (-3,40 đpt); 1W 0,40% (-2,88 đpt); 2W 0,70% (-2,24 đpt); 1M 1,75% (-0,81 đpt).

Lãi suất USD LNH biến động tăng – giảm nhẹ ở tất cả các kỳ hạn. Phiên cuối tuần 05/01, lãi suất USD LNH đóng cửa ở mức: ON 5,08% (không thay đổi); 1W 5,21% (+0,04 đpt); 2W 5,30% (+0,03 đpt) và 1M 5,39% (+0,02 đpt).

Thị trường mở

Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TPNHNN từ 02/01 đến 05/01/2024

Đơn vị: Tỷ đồng	KL chào thầu	KL trúng thầu	KL đáo hạn	Ròng	KL lưu hành
Nghiệp vụ cầm cố	4,000	1,04	4,551	4,550	1,04
Nghiệp vụ mua bán tín phiếu NHNN	0	-	-	-	0,00
Tổng cộng				4,550,32	

Trên thị trường mở tuần từ 02/01 - 05/01, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu ở kỳ hạn 7 ngày, với khối lượng là 4.000 tỷ VND, lãi suất đều ở mức 4,0%. Có 1,04 tỷ đồng trúng thầu, có 4.551,36 tỷ đồng đáo hạn. Như vậy, NHNN hút ròng 4.550,32 tỷ đồng từ thị trường trong tuần qua, có 1,04 tỷ đồng lưu hành trên kênh này.

NHNN tiếp tục không chào thầu tín phiếu NHNN trong tuần qua. Không còn tín phiếu lưu hành trên thị trường.

Thị trường trái phiếu chính phủ:

Giao dịch trên thị trường sơ cấp:

Ngày 03/01, KBNN gọi thầu 5.000 tỷ đồng TPCP. Trong đó, kỳ hạn 5Y và 30Y gọi thầu 500 tỷ đồng mỗi kỳ hạn, kỳ hạn 10Y và 15Y gọi thầu 2.000 tỷ đồng mỗi kỳ hạn. Tuy nhiên, không có khối lượng trúng thầu ở tất cả các kỳ hạn.

Trong tuần này, ngày 10/01, KBNN chào thầu 5.000 tỷ đồng TPCP, trong đó kỳ hạn 5Y và 30Y chào thầu 500 tỷ đồng mỗi kỳ hạn, 10Y và 15Y chào thầu 2.000 tỷ đồng mỗi kỳ hạn.

Thị trường TPCP sơ cấp

Đơn vị: tỷ đồng

TCPH	Ngày DT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi	Tỷ lệ trúng thầu	Tỷ lệ đặt thầu	Số TV tham gia
MOF	3-Jan-24	5	500	0	0.00%	0.00%	0%	1.00	1.00
MOF	3-Jan-24	10	2000	0	0.00%	0.00%	0%	1.65	8.00
MOF	3-Jan-24	15	2000	0	0.00%	0.00%	0%	1.53	6.00
MOF	3-Jan-24	30	500	0	0.00%	0.00%	0%	2.00	2.00
Tổng			5000	0			0%	1.57	

Giao dịch trên thị trường thứ cấp: Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua đạt trung bình 7.619 tỷ đồng/phiên, giảm mạnh so với mức 17.770 tỷ đồng/phiên của tuần trước đó.

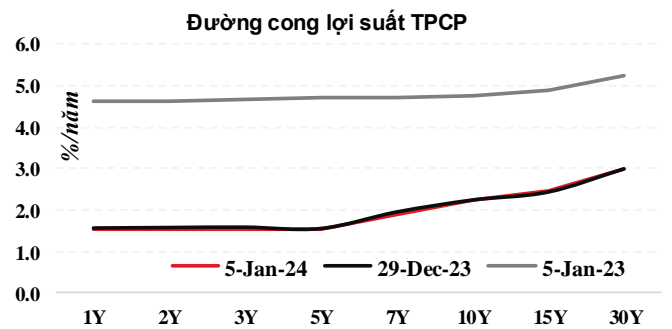
Thống kê giao dịch Outright						Thống kê giao dịch Repos					
Ngày	< 2 năm	2 - 5 năm	5 - 10 năm	> 10 năm	Tổng	Ngày	< 31 ngày	31 - 60 ngày	60 - 92 ngày	> 92 ngày	Tổng
2/Jan/24	-	1,176	465	6,017	7,657	3/Jan/24	1,125	196	-	-	1,320
3/Jan/24	54	175	1,896	3,034	5,159	4/Jan/24	1,510	1,487	-	-	2,998
4/Jan/24	105	405	782	2,205	3,497	5/Jan/24	1,537	-	-	-	1,537
5/Jan/24	105	150	2,509	3,593	6,357						-
					-						-
Tổng	263	1,906	5,652	14,849	22,671	Tổng	4,172	1,683	-	-	5,855
+_WoW	(1,436)	(190)	(26,440)	(23,191)	(51,257)	+_WoW	(9,061)	(4)			(9,065)
% WoW	-85%	-9%	-82%	-61%	-69%	% WoW	-68%	0%			-61%
Tỷ trọng	1%	8%	25%	65%	100%	Tỷ trọng	71%	29%	0%	0%	100%

Đvt: Tỷ đồng

Đvt: Tỷ đồng

Lợi suất TPCP trong tuần qua có xu hướng tăng – giảm đan xen ở các kỳ hạn. Chốt phiên 05/01, lợi suất TPCP giao dịch quanh 1Y 1,54% (-0,005 đpt); 2Y 1,54% (-0,01 đpt); 3Y 1,55% (-0,02 đpt); 5Y 1,55% (+0,02 đpt); 7Y 1,87% (-0,08 đpt); 10Y 2,25% (+0,01 đpt); 15Y 2,44% (+0,003 đpt); 30Y 2,99% (-0,02 đpt).

Diễn biến lợi suất trên thị trường thứ cấp								
%/năm	1Y	2Y	3Y	5Y	7Y	10Y	15Y	30Y
5-Jan-24	1.54	1.54	1.55	1.55	1.87	2.25	2.44	2.99
So WoW	-0.005	-0.01	-0.02	0.02	-0.08	0.01	0.003	-0.02
So YoY	-3.08	-3.09	-3.10	-3.14	-2.86	-2.50	-2.44	-2.24

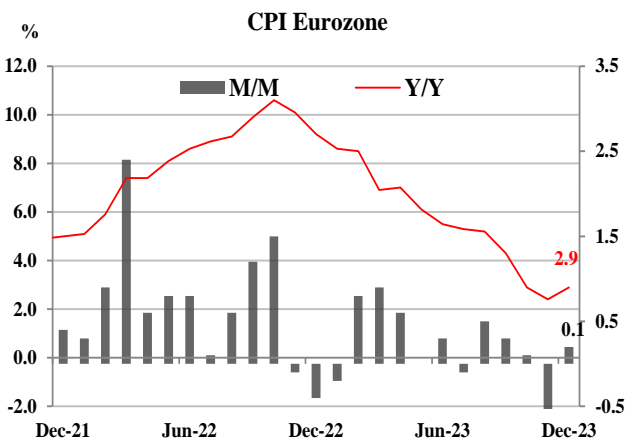
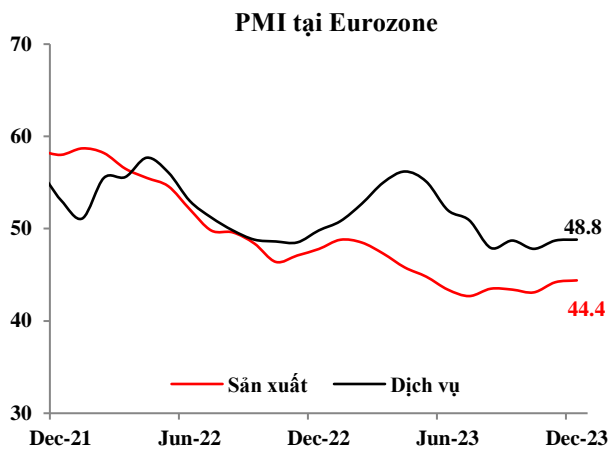
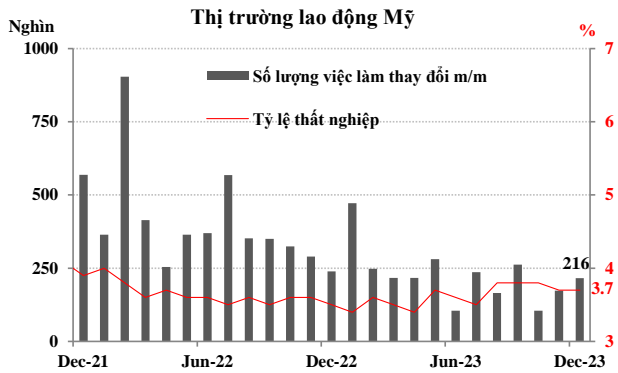
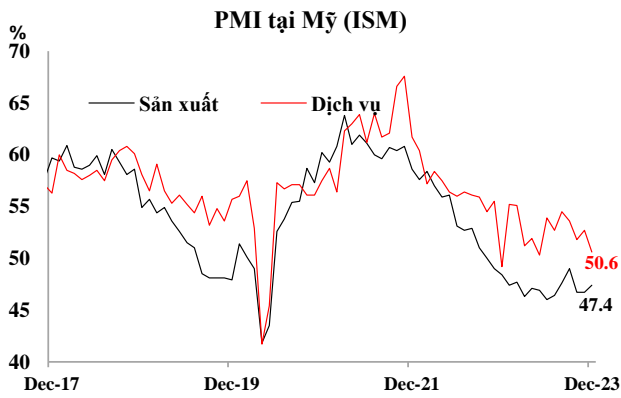


• **Thị trường chứng khoán**

05/01/24	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1154.68	232.76	87.93
<i>thay đổi so với tuần trước</i>	2.28%	0.61%	1.10%
<i>thay đổi so với đầu năm</i>	2.19%	0.74%	1.02%
KLGD/phiên (tr.đ.v)	886.70	72.15	0.04
<i>thay đổi so với tuần trước</i>	26.19%	6.67%	-99.97%
GTGD/phiên (tỷ đ)	18354.23	1366.26	0.0005
<i>thay đổi so với tuần trước</i>	-11.17%	-23.62%	-67.67%
ĐTNN mua/bán ròng (tỷ đ)	(1,363.23)	(24.03)	(0.070)

Tuần từ 02/01 - 05/01, thị trường chứng khoán tăng tuần thứ 3 liên tiếp. Chốt phiên 05/01, VN-Index đứng ở mức 1.154,68 điểm, tăng tiếp 25,75 điểm (+2,28%) so với cuối tuần trước đó; HNX-Index thêm 1,41 điểm (+0,61%) lên mức 232,76 điểm; UPCOM-Index tăng 0,96 điểm (+1,10%) đạt 87,93 điểm.

Thanh khoản thị trường tăng nhẹ lên mức 19.700 tỷ đồng/phiên từ mức 17.200 tỷ đồng của tuần trước đó. Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh gần 1.400 tỷ đồng trên cả 3 sàn.



Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Fed công bố biên bản cuộc họp tháng 12, bên cạnh đó nước Mỹ cũng đón nhiều thông tin kinh tế quan trọng. Về Fed, trong biên bản họp công bố ngày 04/01, cơ quan này cho rằng kinh tế Mỹ quý 4 đang chậm lại so với đà tăng quá nhanh ở quý 3. Tốc độ tăng trưởng 2023 nói chung khá ổn định, song sẽ giảm tốc xuống dưới mức tiềm năng trong những năm tới, do tác động đầy đủ của CSTT thắt chặt, cũng như các điều kiện tài chính và tín dụng khó khăn hơn. Về lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng cá nhân PCE lõi được dự báo về gần mức 2,0% trong năm 2026, dù còn nhiều rủi ro địa chính trị và chuỗi cung ứng. Theo đó, các thành viên đồng thuận duy trì LSCS ở mức 5,25% - 5,5% ở cuộc họp này, sẽ tiếp tục đánh giá độ tích lũy của CSTT và độ trễ mà nó tác động lên kinh tế cũng như lạm phát để có các quyết định phù hợp trong tương lai. Liên quan đến kinh tế Mỹ, viện Quản lý Cung ứng ISM cho biết PMI lĩnh vực sản xuất tại nước này ở mức 47,4% trong tháng 12, tăng từ mức 46,7% của tháng 11 và vượt nhẹ kỳ vọng ở mức 47,2%. Trái lại, PMI lĩnh vực dịch vụ chỉ ở mức 50,6%, giảm từ 52,7% của tháng 11 và đồng thời thấp hơn mức 52,5% theo dự báo. Tiếp theo, tại thị trường lao động, nước Mỹ tạo ra 8,79 triệu cơ hội việc làm trong tháng 11, thấp hơn một chút so với mức 8,85 triệu của tháng 10 cũng như mức 8,84 triệu theo dự báo. Trong tháng 12, quốc gia này tạo ra 216 nghìn việc làm phi nông nghiệp mới, cao hơn mức 173 nghìn của tháng 11 và đồng thời cao hơn mức 168 nghìn theo dự báo. Tỷ lệ thất nghiệp theo đó ở mức 3,7% trong tháng vừa qua, bằng với kết quả thống kê tháng 11 và trái với dự báo tăng lên 3,8%. Cuối cùng, thu nhập bình quân người lao động Mỹ tăng 0,4% m/m trong tháng 12, bằng với mức tăng của tháng 11 và vượt nhẹ mức tăng 0,3% theo kỳ vọng.

Khu vực Eurozone ghi nhận một số chỉ báo đáng chú ý. Đầu tiên, PMI lĩnh vực sản xuất và lĩnh vực dịch vụ tại Eurozone chính thức ở mức 44,4 và 48,8 điểm trong tháng 12, cùng được điều chỉnh tăng so với 44,2 và 48,1 điểm theo khảo sát sơ bộ. Về lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng CPI lõi tại Eurozone tăng 3,4% y/y trong tháng 12, giảm tốc từ 3,6% của tháng 11 và khớp với dự báo. Bên cạnh đó, CPI toàn phần tăng 2,9% y/y trong tháng vừa qua, cao hơn mức tăng 2,4% của tháng 11 song vẫn thấp hơn mức tăng 3,0% theo dự báo. Tại nước Đức nói riêng, CPI toàn phần tăng 0,1% m/m trong tháng 12 sau khi giảm 0,4% ở tháng trước đó, gần khớp với mức tăng 0,2% theo dự báo. So với cùng kỳ năm 2022, CPI Đức tăng 3,7% y/y. Cuối cùng, doanh số bán lẻ tại Đức giảm khá mạnh 2,5% m/m trong tháng 11 sau khi tăng 1,3% ở tháng trước đó, sâu hơn mức giảm 0,5% theo dự báo. So với cùng kỳ năm 2022, doanh số bán lẻ Đức giảm 3,1% y/y.

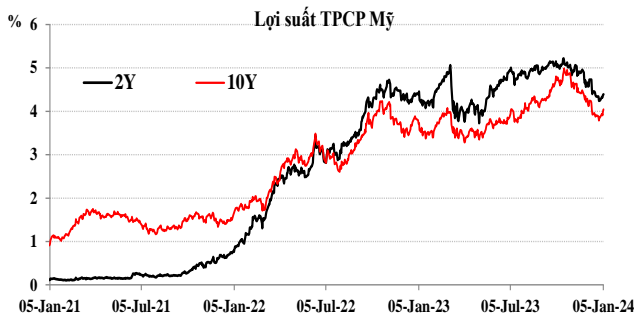
**Dow Jones
(Mỹ)****37466.11
-0.59%****DAX
(Đức)****16594.21
-0.94%****Shanghai
(Trung Quốc)****2929.18
-1.54%**

Chứng khoán thế giới đồng loạt giảm trở lại trong tuần qua. Kết thúc phiên 05/01, chỉ số công nghiệp Dow Jones giảm 0,59% w/w, DAX giảm 0,94% và Shanghai giảm 1,54%. Thị trường chứng khoán Mỹ có tuần chấm dứt chuỗi tăng điểm thứ 7 liên tiếp khi quốc gia này đón nhiều thông tin tích cực về thị trường lao động, theo đó khiến thị trường nghi ngờ về khả năng Fed có thể hạ LSCS sớm trong năm 2024.

Giá vàng giảm nhẹ, đóng cửa phiên ngày 05/01 ở mức 2.045,30 USD/oz, tương đương giảm 0,83% w/w. Kim loại quý này điều chỉnh trở lại sau khi đi lên liên tiếp 2 tuần trước đó, trong bối cảnh sức mạnh đồng USD có sự phục hồi.

Giá dầu tăng trở lại trong tuần qua. Kết thúc phiên ngày thứ Sáu, giá dầu WTI ở mức 73,81 USD/thùng, tương đương tăng 3,01% w/w. Giá mặt hàng này đi lên khi thế giới chứng kiến các cuộc tấn công vào tàu chở hàng hóa tại Biển Đỏ, đẩy lên lo ngại rằng một cuộc xung đột lan rộng có thể giới hạn đáng kể nguồn cung dầu thô từ Trung Đông. Bên cạnh đó việc đóng cửa mỏ dầu lớn nhất ở Libya do biểu tình trong tuần này cũng hỗ trợ giá dầu. Sản lượng dầu tại mỏ này đạt khoảng 270.000 thùng/ngày.

	5 Jan 24	Tuần (%)	Đầu năm (%)	Biến động 2023 (%)
USD index	102.41	1.06%	1.06%	-2.11%
USD/CNY	7.14	0.59%	0.59%	2.91%
USD/EUR	0.91	0.87%	0.87%	-3.03%
USD/JPY	144.65	2.55%	2.55%	7.59%
USD/KRW	1314.16	1.53%	1.53%	2.66%
USD/SGD	1.33	0.77%	0.77%	-1.55%
USD/TWD	30.95	0.88%	0.88%	0.34%
USD/THB	34.66	0.90%	0.90%	-0.75%
USD/VND Trung tâm	23932	0.28%	0.28%	1.08%
USD/VND LNH	24370	0.49%	0.49%	2.99%
USD/VND tự do	24721	-0.08%	-0.08%	4.40%
Vàng	2045.50	-0.83%	-0.83%	13.06%
Dầu WTI	73.81	3.01%	3.01%	-10.73%



NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CVC Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ email: Research@msb.com.vn